

Số: 32/2024/QĐST-VDS

Giồng Trôm, ngày 19 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 45/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Dương Thanh L, sinh năm 1991;
2. Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1989;

Cùng nơi cư trú: 896, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành cùng ngày 11 tháng 11 năm 2024, người yêu cầu đã thống nhất các vấn đề sau đây:

[1] Về hôn nhân: Anh Dương Thanh L và chị Lê Thị Cẩm T tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Hiện nay, anh L và chị T đã sống ly thân. Đến nay, anh L và chị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh L và chị T thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh L và chị T đều có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu xem xét đến việc cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[2] Về con chung: Anh L và chị T có 03 con chung tên Dương Thanh Q, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2012 đang sống cùng anh L; Dương Thanh T1, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2013 và Dương Thị Như Ý, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2023 đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn, anh L được trực tiếp nuôi cháu Q và chị T được trực tiếp nuôi cháu T1, cháu Ý. Anh L cấp dưỡng nuôi cháu T1, cháu Ý cho chị T mỗi tháng là 2.000.000 đồng; anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Anh L và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh L và chị T cùng xác định là không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh L và chị T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Thanh L và chị Lê Thị Cẩm T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Dương Thanh Q, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2012 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Dương Thanh T1, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2013 và Dương Thị Như Ý, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2023 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 và cháu Ý cho chị T mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng; thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi có quyết định của Tòa án đến khi cả 02 con chung tròn 18 tuổi; ghi nhận việc anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Q.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T và anh L cùng xác định là không có nên Tòa án không xem xét.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh L và chị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) **mà anh chị đã** nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004378 và 0004379 cùng ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Người yêu cầu đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng KTNV TA tỉnh Bến Tre;
- UBND xã **Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.**
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

#### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Ngọc Huyền**